TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 02/2022/HNGĐST Ngày 26/10/2022 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Trọng Thinh.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Hợi, Ông Đỗ Văn Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 26/10/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 303/2022/TLST- HNGĐ ngày 21/7/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/10/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1984

HKTT: số 341, khu 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Bùi Quốc P, sinh năm 1984

HKTT: số 341, khu 4, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lưu Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Quốc P, sinh năm 1984 vào năm 2005, trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận tự nguyện không bị ai ép buộc, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, sau khi kết hôn chị về gia đình anh P làm dâu luôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách và cách sống của hai vợ chồng không đồng nhất quan điểm, mặt khác anh P còn có tính nết không bình thường đôi khi còn đánh đuổi chị. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ từ đó đến nay không ai

quan tâm tới ai, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống cùng nhau được chị xin được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Yến L, sinh ngày 22/8/2007, cháu Bùi Yến C, sinh ngày 13/10/2010, hiện nay các cháu đang ở cùng anh P, nay ly hôn chị xin nuôi cháu C còn anh P nuôi cháu L, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản gì.

Về công sức, công nợ: không có.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn; Trích lục kết hôn (bản sao); Bản sao CMTND của chị H; Bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh của các con; Phiếu gửi tài liệu cho bị đơn; Đơn đề nghị từ chối hòa giải tại trung tâm hoàn giải, đối thoại tại Tòa án; Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001339 ngày 21/7/2022, tôi đã gửi tài liệu trên cho bị đơn.

Về phía bị đơn là anh Bùi Quốc P: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có giấy triệu tập anh P lên Tòa làm việc, Tòa án cũng đã giao các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các giấy tờ khác cho bố mẹ anh P nhận xong anh P vẫn không đến Tòa án làm việc.

Về tài sản: không có không yêu cầu tòa án giải quyêt.

Về công sức, công nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong anh P vẫn không đến Tòa làm việc, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh P, về con chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Yến L, sinh ngày 22/8/2007 và cháu Bùi Yến C, sinh ngày 13/10/2010, nay ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Bùi Yến C, anh P nuôi cháu Bùi Yến L, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đầy đủ, bị đơn không chấp hành.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Bùi Quốc P,

về con chung giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bùi Yến C, giao cháu Bùi Yến L cho anh P nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Lưu Thị H kết hôn với anh Bùi Quốc P vào ngày 28/10/2005 trước khi kết hôn đôi bên có được tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không đồng nhất quan điểm, ngoài ra tính cách của anh P đôi lúc còn không được bình thường, thậm chí còn đánh đuổi chị đi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể chung sống cùng anh P được chị xin được ly hôn anh P. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H anh P đã xảy ra từ lâu, bản thân anh P cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ, nay anh P lại không đến Tòa án làm việc nên không thể hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lưu Thị H nhằm giải phóng cho cả đôi bên là phù hợp.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Yến L, sinh ngày 22/8/2007 và cháu Bùi Yến C, sinh ngày 13/10/2010, nay ly hôn chị H xin nuôi cháu C còn anh P nuôi cháu L. Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng chị H anh P có 02 con chung nay ly hôn cần giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị H về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Chị Lưu Thị H được ly hôn anh Bùi Quốc P.

Về con chung: Giao cháu Bùi Yến C, sinh ngày 13/10/2010 cho chị Lưu Thị H nuôi dưỡng, giao cháu Bùi Yến L, sinh ngày 22/8/2007 cho anh Bùi Quốc P nuôi dưỡng, phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001339 ngày 21/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Chị H đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Trọng Thinh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- CC THADS TP B;
- UBND phường T
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.